

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 11-5-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2021/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX - ST ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1993 (Có mặt)
2. Bị đơn: Anh Trịnh Bá T, sinh năm 1992 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Q và anh Trịnh Bá T tự nguyện tìm hiểu, cùng chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước vào năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T hay chửi bới và đánh đập chị Q. Mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Q và anh T có 02 người con chung là cháu Trịnh Bá Đăng K, sinh ngày 02/11/2015 và cháu Trịnh Khánh L, sinh ngày 16/9/2018. Sau khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, đồng ý giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K thành niên và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Bá T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày chị Q về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên sau này do vợ chồng bất đồng về kinh tế nên hay xảy ra cãi vã, chị Q nhiều lần bỏ nhà đi, anh T có tìm về nhưng chị Q vẫn tiếp tục bỏ đi. Hiện nay, chị Q cương quyết muốn ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T thống nhất như chị Q trình bày, anh T và chị Q có 02 người con chung là cháu Trịnh Bá Đăng K, sinh ngày 02/11/2015 và cháu Trịnh Khánh L, sinh ngày 16/9/2018. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu L cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh T, về con chung chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, đồng ý giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K thành niên và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Q; về con chung: Giao cháu Trịnh Bá Đăng K, sinh ngày 02/11/2015 cho anh Trịnh Bá T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao cháu L cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; về vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trịnh Bá T. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Q và anh Trịnh Bá T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 31/12/2014 đã được chị Q cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Chị Q và anh T đều thống nhất nội dung thời gian đầu sau khi kết hôn thì anh T và chị Q chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm dẫn đến việc thường xuyên cãi vã. Hiện nay, chị Q và anh T không còn chung sống cùng nhau và cũng không còn quan tâm đến nhau, chị Q xác định không còn tình cảm với anh T nữa. Anh T cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Q.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị Q.

[4] Về con chung: Chị Q và anh T có 02 người con chung là cháu Trịnh Bá Đăng K, sinh ngày 02/11/2015 và cháu Trịnh Khánh L, sinh 16/9/2018. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu L. Nhưng chị Q chỉ đồng ý giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng còn chị Q sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến khi cháu L thành niên. Xét thấy, cả chị Q và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Tuy nhiên, chị Q đã đồng ý giao cháu K cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K thành niên. Đối với cháu L hiện nay đang còn nhỏ, là con gái nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K thành niên; giao cháu L cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L thành niên.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung : Chị Q và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Q và anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn chị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Q về việc ly hôn. Chị Q được ly hôn với anh Trịnh Bá T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Bá Đăng K, sinh ngày 02/11/2015 cho anh Trịnh Bá T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao cháu Trịnh Khánh L, sinh ngày 16/9/2018 cho chị Hoàng Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Q và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Q và anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà đã nộp

trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 016024 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào